

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 24 – 5 – 2018

“V/v ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Quốc Tuấn.

2/ Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 69/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc “ Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Diệp Xà P, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, thị xã C, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Thạch T, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp O, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Diệp Xà P trình bày:

Chị P với anh T kết hôn với nhau năm 2004 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 26 ngày 21 tháng 4 năm 2004). Sau khi kết hôn chị P và anh T về sống tại ấp O, xã B, huyện Đ, tỉnh S. Thời gian đầu thì cả hai sống hạnh phúc nhưng đến năm 2005 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên đánh đập chị P chịu đựng không nổi nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Từ khi chị P bỏ về sống cùng cha, mẹ ruột tại ấp K, xã Đ, thị xã C, tỉnh S thì anh T cũng bỏ đi sống chung với người phụ nữ khác. Nhận thấy tình cảm đã hết, không còn hàn gắn được nữa nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Trong quá trình chung sống chị P và anh T không có con chung và tài sản chung.

Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung và tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 69/TB-TLVA ngày 03 tháng 4 năm 2018, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt anh T và không tiến hành hòa giải được và anh T cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Cho chị P ly hôn với anh T. Về con chung: Không có; tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh T mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị P và anh T.

[2] Về nội dung: Chị P yêu cầu Toà án cho ly hôn với anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị P với anh T là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2005 hai bên phát sinh mâu thuẫn, do anh T thường xuyên đánh đập nên chị P chịu đựng không nổi nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Hai người ly thân với nhau từ năm 2015, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Chị P kiên quyết yêu cầu ly hôn cho thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị P yêu cầu nên chị P phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị P.

2/ Về hôn nhân: Chị P được quyền ly hôn với anh T.

3/ Về con chung: Không có.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0009549 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy chị P đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã Hòa Đông, TX Vĩnh Châu, ST;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng